

Số: /2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 346/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 5 năm 2025 và ý kiến biểu quyết của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XV;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 4, Điều 103; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 6, Điều 103, Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; đơn vị, tổ

chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản

Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản được tính bằng trọng lượng (kg) thủy sản hoặc diện tích mặt nước (m²) thiệt hại thực tế không vượt quá định mức kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) nhân (x) với đơn giá bồi thường.

- Đối với ao/hồ nuôi hỗn hợp các loài thủy sản có diện tích mặt nước dưới 1.000 m² khi nhà nước thu hồi một phần hoặc toàn bộ diện tích mặt nước mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản thì thực hiện bồi thường thiệt hại toàn bộ và được tính theo trọng lượng (kg).

- Đối với ao/hồ nuôi hỗn hợp các loài thủy sản có diện tích mặt nước trên 1.000 m² khi nhà nước thu hồi trên 2/3 diện tích mặt nước mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản thì thực hiện bồi thường toàn bộ và được tính theo diện tích (m²).

- Đối với ao/hồ nuôi hỗn hợp các loài thủy sản có diện tích mặt nước trên 1.000 m² khi nhà nước thu hồi dưới 2/3 diện tích mặt nước mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản thì thực hiện bồi thường diện tích mặt nước ao/hồ thực tế bị thu hồi và được tính theo diện tích (m²).

- Trong trường hợp ao/hồ nuôi thâm canh một loài thủy sản thì thực hiện bồi thường theo trọng lượng (kg) cho từng đối tượng đó.

Điều 4. Đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản.

a) Đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng hàng năm: Chi tiết Phụ lục I.

b) Đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng lâu năm: Chi tiết Phụ lục II.

c) Đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng lâm nghiệp: Chi tiết Phụ lục III.

d) Đơn giá bồi thường thiệt hại vật nuôi là thủy sản: Chi tiết Phụ lục IV.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Không thực hiện bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản phát sinh sau thời điểm thông báo thu hồi đất.

2. Đối với cây trồng chưa có tên trong các Phụ lục I, II, III kèm theo Quyết định này trường hợp một số cây đơn lẻ cùng dạng thì áp dụng vào loại cây trồng có giá trị tương đương, trường hợp không áp dụng được thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào loại cây để xác định đơn giá bồi thường, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét,

quyết định. Trường hợp không xác định được đơn giá bồi thường thì Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

3. Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ vào điều kiện thực tế để xác định mức bồi thường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Trường hợp trong cùng một diện tích trồng nhiều loại cây lâu năm, việc xác định loại cây trồng chính do chủ sở hữu cây trồng lựa chọn; đơn giá bồi thường đối với cây trồng chính được tính bằng 100% đơn giá bồi thường của loại cây trồng đó, đồng thời đảm bảo đúng mật độ quy định trên đơn vị diện tích; cây trồng chính vượt quá mật độ tính bằng 30% đơn giá bồi thường của loại cây trồng đó. Nếu mật độ cây trồng chính trong vườn thấp hơn mật độ quy định thì số cây trồng phụ bổ khuyết cho phần mật độ của diện tích còn thiếu của cây trồng chính để đạt mật độ theo quy định thì được bồi thường bằng 100% đơn giá cây trồng. Số cây trồng còn lại được bồi thường bằng 30% đơn giá cây trồng quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Đối với cây trồng lâu năm trồng thuần (trồng một loại cây) trên một diện tích: Trường hợp trồng mật độ thấp hơn mật độ theo quy định thì tính bồi thường theo mật độ thực tế tại thời điểm kiểm kê; trường hợp cây trồng vượt tối đa 30% mật độ theo hướng dẫn trong quy trình sản xuất do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành thì bồi thường 100% đơn giá bồi thường; đối với số cây trồng vượt quá mật độ từ 30-50% thì bồi thường bằng 50% đơn giá bồi thường; trường hợp cây trồng vượt quá mật độ trên 50% thì bồi thường bằng 30% đơn giá cây trồng theo quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 5 năm 2025 và thay thế Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối với trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Quyết định này.

3. Đối với trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về

đặt đại trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Như Điều 7;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, Phú 10b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công